

Số: **4336** /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **16** tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 4) Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 12/4/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 19/10/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 3) Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung (lần 4) Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025;

Xét đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 4092/KHĐT-THQH ngày 15/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung, bố trí vốn đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định tại Điều 51, khoản 7 Điều 67 Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn thành phố giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung vốn dự phòng đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách thành phố giai đoạn 2021 - 2025 từ 1.676.402,512 triệu đồng lên 4.602.846,812 triệu đồng (tăng 2.926.444,3 triệu đồng). Trong đó:

a) Bổ sung do giảm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của 01 dự án nhóm A có tiến độ thực hiện trong 02 kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn liên tiếp (giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030):

2.500.000 triệu đồng.

b) Bổ sung do giảm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của 02 dự án dừng thực hiện chủ trương đầu tư: 426.444,3 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo)

2. Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách thành phố giai đoạn 2021 - 2025 để bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các dự án đầu tư của thành phố: 2.811.939,145 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

3. Dự phòng còn lại chưa phân bổ: 1.790.907,667 triệu đồng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

a) Thông báo danh mục và mức vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của từng địa phương, chủ đầu tư, nhiệm vụ, dự án.

b) Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước Hải Phòng và Thủ trưởng các ngành, cấp, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành././

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ KHĐT, Bộ TC;
- TTTU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Chủ đầu tư các Dự án tại Biểu đính kèm;
- Cục Thống kê TP, Cục Thuế TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các phòng CV;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

**PHỤ LỤC I: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG
ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 4336 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Dự án	Tổng số	Ghi chú
I	NGUỒN CÒN LẠI CHƯA PHÂN BỐ ĐẾN TRƯỚC THÁNG 12/2022	4.602.846,812	
1	Dự phòng vốn đầu tư công trung hạn chưa phân bổ	1.676.402,512	Quyết định số 3558/QĐ-UBND, 24/10/2022
2	Bổ sung nguồn còn lại chưa phân bổ do điều chỉnh giảm mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí	2.926.444,300	<i>Chi tiết tại Phụ lục II</i>
a	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đê tả sông Cẩm đoạn từ Km25+000 đến Km31+741 tại huyện Thủy Nguyên	2.500.000,000	
b	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống quản lý giao thông đô thị thông minh thành phố Hải Phòng - giai đoạn 1	206.156,600	
c	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ A48, A49 Lán bè, phường Lam Sơn, quận Lê Chân	220.287,700	
II	PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THÁNG 12/2022	2.811.939,145	Phân bổ cho các dự án thành phố đã quyết định và điều chỉnh tổng mức đầu tư tại Kỳ họp thứ 8 HĐND thành phố <i>Chi tiết tại Phụ lục III.</i>
III	DỰ PHÒNG CHƯA PHÂN BỐ	1.790.907,667	

**PHỤ LỤC II: DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIẢM
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số **4336** /QĐ-UBND ngày **16** tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Số dự án	Dự án	NQ/QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách thành phố			
			Số QĐ/NQ, ngày tháng năm ban hành	TMĐT / Giá trị quyết toán		Quyết định số 3663/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	KH vốn trung hạn sau điều chỉnh	Điều chỉnh giảm
				Tổng số	Trong đó: NSTP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8-7
		TỔNG SỐ		3.413.502,743	3.413.502,743	3.405.444,300	479.000,000	-2.926.444,300
A	1	Dự án thực hiện trong 02 kỳ kế hoạch		2.980.087,743	2.980.087,743	2.979.000,000	479.000,000	-2.500.000,000
I	1	Các hoạt động kinh tế		2.980.087,743	2.980.087,743	2.979.000,000	479.000,000	-2.500.000,000
	1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi		2.980.087,743	2.980.087,743	2.979.000,000	479.000,000	-2.500.000,000
1	1	Đầu tư xây dựng tuyến đê tả sông Cẩm đoạn từ K25+000 đến K31+741 tại huyện Thủy Nguyên	26/NQ-HĐND ngày 22/7/2020; 66/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	2.980.087,743	2.980.087,743	2.979.000,000	479.000,000	-2.500.000,000
B	2	Các dự án dừng thực hiện		433.415,000	433.415,000	426.444,300	0,000	-426.444,300
I	2	Các hoạt động kinh tế		433.415,000	433.415,000	426.444,300	0,000	-426.444,300
I.1	1	Giao thông		206.877,000	206.877,000	206.156,600	0,000	-206.156,600

Stt	Số dự án	Dự án	NQ/QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách thành phố			
			Số QĐ/NQ, ngày tháng năm ban hành	TMĐT / Giá trị quyết toán		Quyết định số 3663/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	KH vốn trung hạn sau điều chỉnh	Điều chỉnh giảm
				Tổng số	Trong đó: NSTP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=8-7
1	1	Xây dựng Hệ thống quản lý giao thông đô thị thông minh thành phố Hải Phòng - giai đoạn 1	48A/QĐ-HĐND ngày 04/10/2017; 70/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	206.877,000	206.877,000	206.156,600	0,000	-206.156,600
I.2	1	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới		226.538,000	226.538,000	220.287,700	0,000	-220.287,700
1	1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ A48, A49 Lán Bè, phường Lam Sơn, quận Lê Chân	31/QĐ-HĐND ngày 01/6/2018; 68/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	226.538,000	226.538,000	220.287,700	0,000	-220.287,700

PHỤ LỤC III: DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 4336 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Số dự án	Dự án	NQ/QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách thành phố			
			Số QĐ/NQ, ngày tháng năm ban hành	TMĐT		Các Quyết định số 3663/QĐ-UBND, 15/12/2021; số 1255/QĐ-UBND, 28/4/2022; Số 2454/QĐ-UBND, 28/7/2022; Số 3588/QĐ-UBND, 24/10/2022	Điều chỉnh tăng	KH vốn trung hạn sau điều chỉnh
				Tổng số	Trong đó: NSTP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7+8
	12	TỔNG SỐ		4.516.207,945	4.161.764,945	835.545,458	2.811.939,145	3.647.484,603
A	2	DỰ ÁN QUYẾT TOÁN		336.853,164	31.800,164	4.011,458	16.101,979	20.113,437
I	1	Các hoạt động kinh tế		304.425,379	3.872,379	1.522,000	1.663,652	3.185,652
I.1	1	Nông nghiệp, lâm nghiệp		304.425,379	3.872,379	1.522,000	1.663,652	3.185,652
1	1	Xây dựng cơ sở hạ tầng Trung tâm dịch vụ hậu cần và phát triển thủy sản Trần Châu, Cát Bà	54/QĐ-STC ngày 02/11/2017; 3425/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	304.425,379	3.872,379	1.522,000	1.663,652	3.185,652
II	1	Văn hóa, thông tin		32.427,785	27.927,785	2.489,458	14.438,327	16.927,785
1	1	Dự án đầu tư xây dựng tu bổ, tôn tạo di tích Đình Dư Hàng, phường Dư Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng	32/QĐ-STC ngày 14/10/2022	32.427,785	27.927,785	2.489,458	14.438,327	16.927,785
B	1	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP		24.186,982	24.186,982	345,000	19.415,367	19.760,367

Số TT	Số dự án	Dự án	NQ/QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách thành phố			
			Số QĐ/NQ, ngày tháng năm ban hành	TMDT		Các Quyết định số 3663/QĐ-UBND, 15/12/2021; số 1255/QĐ-UBND, 28/4/2022; Số 2454/QĐ-UBND, 28/7/2022; Số 3588/QĐ-UBND, 24/10/2022	Điều chỉnh tăng	KH vốn trung hạn sau điều chỉnh
				Tổng số	Trong đó: NSTP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7+8
I.2	1	Công trình công cộng tại các khu đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới		24.186,982	24.186,982	345,000	19.415,367	19.760,367
1	1	Dự án đầu tư xây dựng điện chiếu sáng, lan can ven hồ Phương Lưu	39/QĐ-UBND ngày 13/01/2011; 4039/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	24.186,982	24.186,982	345,000	19.415,367	19.760,367
C	9	CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯA ĐƯỢC GIAO VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN		4.155.167,799	4.105.777,799	831.189,000	2.776.421,799	3.607.610,799
I	7	Các hoạt động kinh tế		3.741.245,723	3.741.245,723	831.189,000	2.411.889,723	3.243.078,723
I.1	2	Giao thông		2.355.604,500	2.355.604,500	831.189,000	1.026.248,500	1.857.437,500
1	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường bộ ven biển (km1+00) đến ngã ba Vạn Bùn (đường lý Thái Tổ), quận Đồ Sơn	61/NQ-HĐND ngày 19/10/2022	959.187,500	959.187,500	831.189,000	125.831,500	957.020,500
2	1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường tỉnh 354, huyện Tiên Lãng đến Quốc lộ 10, huyện Vĩnh Bảo	62/NQ-HĐND ngày 19/10/2022	1.396.417,000	1.396.417,000		900.417,000	900.417,000

Số TT	Số dự án	Dự án	NQ/QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách thành phố			
			Số QĐ/NQ, ngày tháng năm ban hành	TMĐT		Các Quyết định số 3663/QĐ-UBND, 15/12/2021; số 1255/QĐ-UBND, 28/4/2022; Số 2454/QĐ-UBND, 28/7/2022; Số 3588/QĐ-UBND, 24/10/2022	Điều chỉnh tăng	KH vốn trung hạn sau điều chỉnh
				Tổng số	Trong đó: NSTP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7+8
I.2	5	Công trình công cộng tại các đô thị; Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới		1.385.641,223	1.385.641,223	-	1.385.641,223	1.385.641,223
1	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu tái định cư và bãi đỗ xe phục vụ chỉnh trang đô thị khu vực bến xe Niệm Nghĩa cũ	52/NQ-HĐND ngày 19/10/2022	125.526,620	125.526,620		125.526,620	125.526,620
2	1	Dự án xây dựng khu tái định cư tại xã Lại Xuân, huyện Thủy Nguyên	54/NQ-HĐND ngày 19/10/2022	120.903,000	120.903,000		120.903,000	120.903,000
3	1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại lô A52 phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân	55/NQ-HĐND ngày 19/10/2022	253.395,503	253.395,503		253.395,503	253.395,503
4	1	Dự án xây dựng khu TĐC tại xã Hoa Động, xã Lâm Động phục vụ giải phóng mặt bằng một số dự án trên địa bàn thành phố	56/NQ-HĐND ngày 19/10/2022	679.363,000	679.363,000		679.363,000	679.363,000
5	1	Dự án chỉnh trang đô thị tại khu vực ngõ 47 Lê Lai và ngõ 92 Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền	60/NQ-HĐND ngày 19/10/2022	206.453,100	206.453,100		206.453,100	206.453,100

Số TT	Số dự án	Dự án	NQ/QĐ chủ trương đầu tư/QĐ phê duyệt		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách thành phố			
			Số QĐ/NQ, ngày tháng năm ban hành	TMĐT		Các Quyết định số 3663/QĐ-UBND, 15/12/2021; số 1255/QĐ-UBND, 28/4/2022; Số 2454/QĐ-UBND, 28/7/2022; Số 3588/QĐ-UBND, 24/10/2022	Điều chỉnh tăng	KH vốn trung hạn sau điều chỉnh
				Tổng số	Trong đó: NSTP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7+8
II	1	Giáo dục		246.980,100	197.590,100	-	197.590,100	197.590,100
1	1	Dự án đầu tư xây dựng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Kênh Dương	58/NQ-HĐND ngày 19/10/2022	246.980,100	197.590,100		197.590,100	197.590,100
III	1	Dự án khác		166.941,976	166.941,976	-	166.941,976	166.941,976
1	1	Đầu tư xây dựng mở rộng nghĩa trang nhân dân Phi Liệt, huyện Thủy Nguyên	59/NQ-HĐND ngày 19/10/2022	166.941,976	166.941,976		166.941,976	166.941,976